ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81 /QĐ-UBND	*Lộc Bình, ngày 09 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 4060/BYT-KH-TC ngày 16/7/2024 của Bộ Y tế về việc bảo đảm thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3681/VP-KGVX ngày 17/7/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Lạng Sơn về việc bảo đảm thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 2108/SYT-NVYD ngày 21/7/2024 của Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn về việc bảo đảm thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 2625/SYT-NVYD ngày 05/9/2024 của Sở Y tế Lạng Sơn về việc mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và các dịch vụ liên quan khác phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Trung tâm Y tế tại Tờ trình số 02/TTr-TTYT ngày 02/01/2025 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua

hóa chất xét nghiệm năm 2025; Báo cáo thẩm định số 07/BC-TCKH ngày 06/01/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu mua háo chất xét nghiệm năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm năm 2025, tổng số tiền 1.369.518.403 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm mười tám nghìn, bốn trăm linh ba đồng)*, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình; Giám đốc Kho bạc nhà nước Lộc Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH(VTB).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH T. LẠNG SƠN

Hoàng Hùng Cường

DANH MỤC HÀNG HÓA

Gói thầu số 1: Mua hóa chất xét nghiệm máy xét nghiệm sinh hóa Ebar XL200 Ấn Độ

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ca (Calci)	R1:10 x 12ml	Thành phần: Arsenazo III 0.10 mmol/l Phosphate buffer (pH 7,8 ± 0,1) 50 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 0.6 – 16 mg/dl Quy cách: R1:10 x 12ml	Hộp	2	1.150.000	2.300.000
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol	R1: 10 x 44ml	R1: Good‘s Buffer 50 mmol/l Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l Cholesterol esterase ≥ 200 U/l Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l Peroxidase ≥ 3 kU/l. Measuring range (phạm vi đo): 4.2 - 695 mg/dl Quy cách: R1: 10 x 44ml	Hộp	2	2.500.000	5.000.000
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	R1: 5 x 44 ml R2: 5 x 11ml	R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l. R2: Picric Acid: 26 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 0.08 - 18 mg/dl Quy cách: R1: 5 x 44 ml + R2: 5 x 11ml	Hộp	3	945.000	2.835.000
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	R1: 10 x 44 ml	Phosphate buffer 250 mmol/l Glucose oxidase > 25 U/ml Peroxidase > 2 U/ml Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 2.34-450 mg/dl Quy cách: R1: 10 x 44 ml	Hộp	3	1.300.000	3.900.000
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	R1: 6x44ml , R2: 6 x11ml	R1: Tris Buffer (pH 7.5) 10 mmol/l; L-Aspartic acid 340 mmol/l LDH ≥ 4000 U/l MDH ≥ 750 U/l R2: CAPSO 20 mmol/l	Hộp	3	1.850.000	5.550.000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			2-oxoglutarate 85 mmol /l NADH 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 3.84-390 U/l Quy cách: R1: 6x44ml + R2: 6 x11ml				
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	R1: 6x44ml , R2: 6 x11ml	R1: Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l L-Alanine 709 mmol/l LDH (microbial) ≥ 2000 U/l R2: CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol /l NADH 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 4.4-360 U/l Quy cách: R1: 6x44ml , R2: 6 x11ml	Hộp	3	1.850.000	5.550.000
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides	R1: 10 x 44 ml	Good's buffer (pH 7,2): 50 mmol/l 4-Chlorophenol: 4 mmol/l Mg 2+ : 15 mmol/l ATP: 2 mmol/l Glycerolkinase ≥ 0,4 KU/l Peroxidase ≥ 2,0 KU/l Lipoproteinlipase ≥ 2,0 KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0,5 KU/l 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): 9.74 – 1062 mg/dI Quy cách: R1: 10 x 44 ml	Hộp	2	4.200.000	8.400.000
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ure	R1:5 x 44 ml R2:5 x 11ml	R1: Tris Buffer 100 mmol/l α-Ketoglutarate 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean) ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism) ≥ 3.8 KU/l R2: NADH 1.66 mmol/l. - Measuring range (phạm vi đo): 11.5-300 mg/dl. Quy cách: R1:5 x 44 ml + R2:5 x 11ml	Hộp	3	1.550.000	4.650.000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
9	Thuốc thử hiệu chuẩn chung	3ml	Dùng để chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Mẫu hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và đặc tính phù hợp để hiệu chuẩn các xét nghiệm hóa học lâm sàng trên máy phân tích hóa học lâm sàng tự động. Quy cách: 3ml	Lọ	5	3.000.000	15.000.000
10	Thuốc thử kiểm soát chất lượng mức bình thường	5 ml	Dùng để kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh của con người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm một số vi khuẩn. Quy cách: 5 ml	Lọ	5	2.310.000	11.550.000
11	Thuốc thử kiểm soát chất lượng mức bất thường	5 ml	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô. Quy cách: 5 ml	Lọ	5	2.310.000	11.550.000
12	Bóng đèn halogen	Hộp 1 cái	Bóng đèn 12V-20W Quy cách: Hộp 1 cái	Cái	1	6.500.000	6.500.000
Tổng cộng 12 khoản							**82.785.000**

Gói thầu số 2: Mua hóa chất Máy huyết học đông máu STAGO (Pháp)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Hóa chất xét nghiệm PT	Hộp/ 6 x 5-ml đông khô + 6 x 5-ml dung dịch đệm	- Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động. Giá trị phân tích kèm theo với mã vạch được cung cấp trong hộp. Mã vạch này chứa các thông tin: số lô, số mã kit, số mã thuốc thử, hạn sử dụng, giá trị tiền hiệu chuẩn, và giá trị ISI. - Thuốc thử 1: đóng gói lọ 5ml, chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. - Thuốc thử 2: dung môi hòa tan có chứa canxi. - Xét nghiệm phát hiện điểm đông (Clotting) theo cơ chế từ (cơ học) để hạn chế nhiễu kết quả khi đo mẫu bệnh lý HIL. Không bị ảnh hưởng với hemoglobin (lên đến 2 g/L), bilirubin liên hợp, bilirubin không liênhợp (lên đến 342 µmol/L) và triglycerid (lên đến 37 mmol/ L). Tuân thủ theo tài liệu hướng dẫn CLSI EP07-A2.	Hộp	15	3.150.000	47.250.000
2	Dung dịch Cacl2 cho xét nghiệm đông máu	Hộp/ 24 x 15-ml	- Dung dịch Canxi Clorua dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố đông máu con đường nội sinh, sử dụng đồng bộ trên dòng máy đông máu tự động đo từ. -Thành phần: Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0,025 M. chứa chất bảo quản natri Azide (< 1g/L). - Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C; Sau khi mở nắp ổn định trên máy ít nhất 3 ngày	Hộp	2	3.977.400	7.954.800
3	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu	Hộp/ 12 x 2 x 2-ml	- Huyết tương người bình thường và bất bình thường có citrated dạng đông khô; gồm hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số đông máu thường quy: PT, aPTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin. - Đóng gói lọ ít nhất 2ml - Bền ít nhất 24 giờ trên máy	Hộp	1	10.500.000	10.500.000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	Dung dịch rửa kim dành cho máy xét nghiệm đông máu	Hộp/ 24 x 15-ml	- Dung dịch khử nhiễm trên hệ thống máy đông máu, chứa kali hydroxide nồng độ < 1 %. - Ổn định trên máy ít nhất 5 ngày. - Sử dụng tương thích hệ thống máy đông máu cơ từ song song	Hộp	2	8.430.000	16.860.000
5	Dung dịch rửa máy dành cho máy xét nghiệm đông máu	Thùng/ 6 can x 2500-ml	- Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống phân tích đông máu tự động, thành phần chính chứa chất diệt nấm họ ether glycol pha loãng trong dung môi nước. - Sử dụng tương thích hệ thống máy đông máu cơ từ song song	Can	8	1.625.000	13.000.000
6	Cuvette phản ứng dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Thùng/ 6 x 220 cái	Cuvettes được làm bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong. Thùng gồm 6 cuộn, mỗi cuộn chứa 220 cuvette	Hộp	15	14.350.000	215.250.000
7	Hóa chất xét nghiệm thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)	Hộp/ 12 x 5-ml	- Hóa chất dùng xác định thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) trong huyết tương, chứa cephalin từ mô não thỏ, chất kích hoạt đặc hiệu silica. - Hóa chất bảo quản trong tủ bền 7 ngày. - Xét nghiệm phát hiện điểm đông (Clotting) theo cơ chế từ (cơ học) để hạn chế nhiễu kết quả khi đo mẫu bệnh lý HIL. - Khả năng lặp lại trong một xét nghiệm và giữa các lần xét nghiệm: Độ lặp lại đo mẫu bình thường: 0.7 CV% Độ lặp lại đo mẫu bất thường: 1.0 CV% Độ tái lặp đo mẫu bình thường: 1.4 CV% Độ tái lặp đo mẫu bất thường: 2.7 CV%	Hộp	8	17.000.000	136.000.000
Tổng cộng 07 khoản							**446.814.800**

Gói thầu số 3: Mua hóa chất xét nghiệm điện giải máy Easylyte Plus, hãng Medica- Mỹ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dung dịch điện giải	800ml/ hộp	*Pack EasyLyte Na / K / Cl Solutions Pack sử dụng để xác định định lượng Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl−) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng Máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus. *Thành phần: - Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl−; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent - Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl−; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent - Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 800 ml/hộp	Hộp	12	10.881.250	130.575.000
2	Dung dịch chuẩn 2 mức	2x10ml /hộp	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH) với 2 mức bình thường và bất thường. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy Cách: 2x10ml	Hộp	4	3.665.865	14.663.460

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Dung dịch rửa điện giải	1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5gTiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	Hộp	20	3.350.000	67.000.000
4	Dung dịch đổ trong điện cực	Lọ 125ml	Dung dịch ngâm điện cực chứa KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Lọ 125ml	Lọ	1	2.857.143	2.857.143
5	Điện cực điện giải Na, K, Cl	Bộ 3 cái	Điện cực Na; K; Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1 cái/hộp	Bộ	2	22.500.000	45.000.000
Tổng cộng 05 khoản							**260.095.603**

Gói thầu số 4: Mua hóa chất xét nghiệm máy huyết học 19 thông số Celltac Alpha MEK 6510K, hãng Nihon Kohden- Nhật Bản

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dung dịch pha loãng hoặc tương đương	Thùng 18 Lít	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥60 ngày	Thùng	60	2.600.000	156.000.000
2	Dung dịch ly giải	Lọ 500ml	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥90 ngày	Lọ	35	2.710.000	94.850.000
3	Dung dịch rửa thường xuyên	Thùng 5Lít	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá	Thùng	15	3.810.000	57.150.000

			Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥180 ngày				
4	Dung dịch rửa đậm đặc	Thùng 5Lít	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypoclorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥90 ngày	Thùng	2	3.810.000	7.620.000
5	Mẫu máu chuẩn	Lọ 2ml	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥14 ngày	Lọ	6	2.500.000	15.000.000
Tổng cộng 05 khoản							**330.620.000**

Gói thầu số 5: Mua hóa chất xét nghiệm huyết học Máy 33 thông số, MEK 9100, hãng Nihon Kohden- Nhật Bản

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dung dịch pha loãng huyết học máy 33 thông số MEK 9100	Thùng 18 lít	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không; Mùi: không; Độ pH: 7.35 đến 7.55; Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97%; Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C; Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày	Thùng	40	2.600.000	104.000.000
2	Dung dịch rửa thường xuyên máy huyết học 33 thông số	2 Lít/Can	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương; Mùi: nhẹ;Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.069% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Can	6	3.200.000	19.200.000
3	Dung dịch ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích 5 thành phần bạch cầu	Lọ 250ml	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng; Màu: không; Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6; Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0%; Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C; Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Lọ	4	2.900.000	11.600.000
4	Dung dịch ly giải màng tế bào hồng cầu để đo Hemoglobin máy huyết học 33 thông số	Lọ 250ml	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng; Màu: không; Mùi: không; Độ pH: 8.0 đến 8.6; Tính tan: tan trong nước; Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11%; Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Lọ	4	3.250.000	13.000.000

5	Mẫu máu chuẩn máy huyết học 33 thông số MEK 9100	Lọ 3ml	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày	Lọ	4	3.710.000	14.840.000
6	Dung dịch rửa đậm đặc máy huyết học 33 thông số	Lọ 15ml	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorite: 6.1%, Sodium hydroxide <0.5% Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: chỉ dùng 1 lần	Lọ	2	1.534.000	3.068.000
Tổng cộng 06 khoản							**165.708.000**

Gói thầu số 6: Mua vật tư xét nghiệm

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Định nhóm máu Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)	Lọ 10ml	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	6	245.000	1.470.000
2	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B	Hộp 40 test	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: >98 %, Độ đặc hiệu: >98 % - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 - Vạch kết qủa IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Ngưỡng phát hiện ≤1ng/ml	Test	500	9.450	4.725.000
3	Test thử nhanh phát hiện định tính kháng thể kháng Hp. pylori	Hộp 30 test	Phát hiện các kháng thể IgG, IgA, IgM kháng H. pylori - Mẫu thử: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy tương quan: ≥86,7%; Độ đặc hiệu tương quan: ≥91% Khay thử bao gồm: 1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori bao gồm cộng hợp vàng Cag-A (cộng hợp H. pylori) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát. 2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori không cộng hợp và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát.	Test	500	24.000	12.000.000
4	Test thử nhanh beta hCG (nước tiểu)	Hộp 50 test	Định tính phát hiện thai sớm - Mẫu thử: Nước tiểu, huyết thanh - Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL	Test	200	8.000	1.600.000

			- Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 100% Que thử bao gồm: 1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể kháng hCG (cộng hợp hCG Ab). 2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn một loại kháng thể khác kháng hCG và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm chứng.				
5	CRP định tính	Hộp 100 test	Xét nghiệm nhanh ngưng kết latex để sàng lọc định tính và xác định bán định lượng Protein phản ứng C (CRP) trong huyết thanh người.	Test	1.500	4.200	6.300.000
6	Que thử phân tích nước tiểu Mission 11 thông số	Hộp 100 test	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission. Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU/ ASC). Dạng que.	Test	2.000	2.700	5.400.000
7	HbA1c Kit test	Hộp 25 test	'- Nguyên lý: Sắc ký ái lực Bornate. - Mẫu phẩm: máu toàn phần - Thể tích mẫu 5 uL - Khoảng đo: 9 ~ 140 mmol/L(IFCC) hoặc 3 ~ 15% (NGSP) 39 ~ 384 mg/dL hoặc 2.2 ~ 21.3 mmol/L (eAG) - Hiệu chuẩn: bằng thẻ IFC thông minh. - Độ chính xác: < 3% - Đọc kết quả: < 3 phút, thời gian phát hiện: ≤5 giây	Test	800	65.000	52.000.000
Tổng cộng 07 khoản							**83.495.000**

BIỂU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Mua hóa chất xét nghiệm năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Mua hóa chất xét nghiệm máy xét nghiệm sinh hóa Ebar XL200 Ấn Độ.	Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2025	82.785.000	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế chi trả, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	90 ngày	Quý I năm 2025	Trọn gói	12 tháng	Không	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình
2	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Mua hóa chất máy huyết học đông máu STAGO (Pháp)	Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2025	446.814.800	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế chi trả, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	90 ngày	Quý I năm 2025	Trọn gói	12 tháng	Không	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình
3	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Mua hóa chất xét nghiệm điện giải máy Easylyte Plus, hãng Medica-Mỹ.	Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2025	260.095.603	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế chi trả, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	90 ngày	Quý I năm 2025	Trọn gói	12 tháng	Không	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình

4	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Mua hóa chất xét nghiệm máy huyết học 19 thông số Celltac Alpha MEK 6510K, hãng Nihon Kohden-Nhật Bản	Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2025	330.620.000	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế chi trả, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	90 ngày	Quý I năm 2025	Trọn gói	12 tháng	Không	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình
5	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Mua hóa chất xét nghiệm huyết học Máy 33 thông số, MEK 9100, hãng Nihon Kohden-Nhật Bản.	Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2025	165.708.000	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế chi trả, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	90 ngày	Từ Quý I năm 2025	Trọn gói	12 tháng	Không	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình
6	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Mua vật tư xét nghiệm	Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2025	83.495.000	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế chi trả, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	90 ngày	Từ Quý I năm 2025	Trọn gói	12 tháng	Không	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình
	Tổng giá trị gói thầu			**1.369.518.403**	*Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm mười tám nghìn, bốn trăm linh ba đồng./.*								